

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc hoàn thiện chương trình đào tạo chất lượng cao**  
**chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại và Kế toán doanh nghiệp**  
**trình độ đại học hệ chính quy**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ vào Quyết định số 555/QĐ-ĐHTM, ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại quy định về đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào Quyết định số 68/QĐ-ĐHTM ngày 10/2/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc ban hành bộ chương trình đào tạo các chuyên ngành trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào tờ trình ngày 21/6/2018 của Tiểu ban hoàn thiện các chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Quản lý Khoa học,

**QUYẾT ĐỊNH**

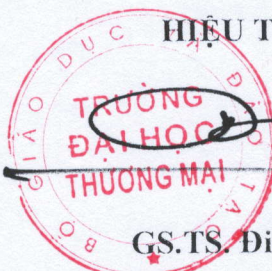
**Điều 1.** Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Tài chính Ngân hàng thương mại và Kế toán doanh nghiệp trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thương mại (có chuẩn đầu ra và chương trình kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này được áp dụng từ khóa 54 tuyển sinh năm học 2018-2019.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng QLĐT, QLKH, TCNS, KT&ĐBCL, Trưởng khoa TCNH, KT-KT và các bộ môn liên quan thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện),
- Lưu trữ Trường,
- P. QLKH, P. QLĐT

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**GS.TS. Đinh Văn Sơn**



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**  
**CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**  
(Ban hành kèm theo quyết định số 790/QĐ-ĐHTM ngày 15 tháng 7 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường đại học Thương mại)

**1. Giới thiệu về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng Thương mại**
- Tên chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Anh: **Commercial Finance - Banking**
- Hình thức đào tạo: **Đại học chính quy - Chương trình chất lượng cao**
- Mục tiêu của chương trình: Đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng thương mại; có khả năng tác nghiệp, quản trị, tư vấn về các vấn đề tài chính - ngân hàng đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế; có năng lực nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn tại các cơ sở đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

**2. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại đạt chuẩn kiến thức của trình độ đại học bao gồm:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các kiến thức về chính trị xã hội, kiến thức cơ bản về pháp luật,...
- Kiến thức cơ sở ngành gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế học, tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, nguyên lý kế toán, kinh tế lượng, toán tài chính, ...
- Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành gồm các kiến thức về tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính, tài chính quốc tế, quản trị ngân hàng thương mại, quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng, thị trường chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, định giá tài sản, quản trị rủi ro, marketing ngân hàng, quản trị tài chính công ty đa quốc gia, thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu, sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm,...

**3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

- \* *Kỹ năng nghề nghiệp*



Sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại đạt chuẩn kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng ở các cấp độ khác nhau: từ tác nghiệp đến hoạch định chính sách, quản trị, tư vấn các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính nói chung. Cụ thể:

(i) Tham gia và/hoặc độc lập chủ trì việc hoạch định chính sách tài chính doanh nghiệp; lập và tổ chức thực hiện các kế hoạch tài chính doanh nghiệp, thực hiện các dự án R&D giải quyết các vấn đề tài chính và quản trị tài chính trong các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia.

(ii) Tham gia và/hoặc độc lập chủ trì việc hoạch định chính sách huy động vốn, chính sách tín dụng, chính sách phát triển sản phẩm của các Ngân hàng thương mại; triển khai các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ kế toán và giao dịch ngân hàng, nghiệp vụ thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối,... của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác; lập và triển khai các chương trình marketing dịch vụ ngân hàng và phát triển khách hàng của ngân hàng thương mại.

(iii) Tham gia và/hoặc độc lập chủ trì việc hoạch định chính sách tài chính của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng; triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của các tổ chức tài chính phi ngân hàng như: nghiệp vụ môi giới đầu tư chứng khoán, tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, nghiệp vụ bảo hiểm,...

(iv) Triển khai các hoạt động đầu tư cá nhân, khởi nghiệp.

*\* Kỹ năng tư duy, nghiên cứu:*

(i) Có khả năng tư duy độc lập trong việc ra quyết định; biết sử dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu kinh tế - tài chính - ngân hàng;

(ii) Có tư duy logic, sáng tạo; biết xây dựng kế hoạch và sử dụng các nguồn lực để thực hiện kế hoạch; biết lựa chọn những công việc cần ưu tiên;

(iii) Có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm, khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của thực tế; có khả năng chủ động cập nhật và vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật.

*\* Kỹ năng về ngoại ngữ và tin học*

(i) Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn, đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương.



(ii) Có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học như: các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint,...), các phần mềm xử lý dữ liệu (Eview, SPSS,...) và các phần mềm nghiệp vụ tài chính, ngân hàng. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2017/TT-BGDĐT-BTT&TT.

\* *Kỹ năng giao tiếp*: Biết sử dụng tổng hợp các kỹ năng trong giao tiếp bao gồm: sử dụng các công cụ trong giao tiếp (ngôn ngữ, cử chỉ); xác định vị trí trong tình huống giao tiếp; điều khiển quá trình giao tiếp (lắng nghe, kiểm soát cảm xúc, đàm phán, thảo luận, thuyết phục, xử lý linh hoạt các tình huống trong giao tiếp).

#### **4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn; đề xuất những sáng kiến có giá trị trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có năng lực sáng tạo, ứng dụng và phát triển nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và luôn biến động.

- Có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm, khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của thực tế; có khả năng chủ động cập nhật và vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật.

#### **5. Chuẩn đầu ra về thái độ**

- Có đạo đức và lối sống lành mạnh, trên cơ sở nắm vững và chấp hành đường lối chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung và pháp luật về tài chính - ngân hàng nói riêng.

- Có lòng yêu nghề, có yêu lao động; có các phẩm chất cá nhân như: tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, phản biện, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa, có ý thức vì cộng đồng và bảo vệ môi trường.

- Hành vi đạo đức nghề nghiệp tốt, tác phong công nghiệp, cẩn thận; khiêm tốn, giản dị trong sinh hoạt; sống lạc quan, giàu hoài bão, trung thực, thẳng thắn, khách quan và cầu tiến.

- Có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, biết giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của đơn vị nơi mình công tác.

- Luôn có ý thức tự học, tự đào tạo, cập nhật kiến thức mới, ứng dụng sáng tạo những tiến bộ khoa học trong công việc được giao.



## **6. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại có nhiều cơ hội việc làm tại các vị trí sau:

- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại bộ phận quản lý tài chính của các doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế.
- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại bộ phận tín dụng, thanh toán, marketing, kinh doanh ngoại hối và quan hệ khách hàng... trong các ngân hàng thương mại; công ty tài chính; công ty cho thuê tài chính; quỹ tín dụng.
- Chuyên viên, cán bộ quản lý tại bộ phận môi giới, tư vấn, phân tích trong các công ty chứng khoán; công ty quản lý quỹ.
- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính, ngân hàng và chứng khoán.
- Giảng viên của các cơ sở đào tạo đại học khối ngành kinh tế

## **7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

- Sinh viên chương trình cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại của Trường Đại học Thương mại đủ trình độ và có khả năng học song song bằng đại học thứ 2 của chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học nước ngoài để nhận 2 bằng đại học; có thể tham gia các khóa học chuyên sâu và nhận các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như CPA, ACCA, ...

- Sau khi tốt nghiệp cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại của Trường Đại học Thương mại, có thể tiếp tục học ở bậc đào tạo sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng hoặc liên thông sang các chuyên ngành khác (quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán kiểm toán) tại các trường đại học ở Việt Nam và nước ngoài.

## **8, Các chương trình, tài liệu, chuẩn đầu ra đã tham khảo**

### **8.2, Trong nước**

- Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Ngoại thương
- Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng, Học viện Tài chính
- Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế quốc dân



- Chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học, hệ đào tạo chất lượng cao, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

## 8.2. Nước ngoài

- Chương trình đào tạo của Trường CASS (UK)

<http://www.cass.city.ac.uk/courses/undergraduate/courses/banking-and-international-finance#courses-details=1>

- Chương trình đào tạo của Trường **BIRMINGHAM (UK)**

<http://www.birmingham.ac.uk/undergraduate/courses/econ/money-banking-finance-bsc.aspx#CourseDetailsTab>

- Chương trình đào tạo của Trường **MONASH (Australia)**

<http://www.monash.edu.au/pubs/handbooks/aos/banking-and-finance/index.html>

- Chương trình đào tạo của Management Development Institute of Singapore

[http://www.bachelorstudies.com/Bachelor-of-Science-\(Hons\)-in-Banking-and-Finance-\(Awarded-by-Bangor-University-UK\)/Singapore/MDSI/](http://www.bachelorstudies.com/Bachelor-of-Science-(Hons)-in-Banking-and-Finance-(Awarded-by-Bangor-University-UK)/Singapore/MDSI/)

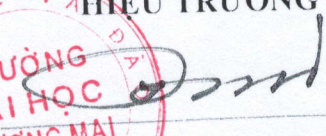
- Chương trình đào tạo của University of London;

<http://www.buv.edu.vn/academics/courses-programes/b-s-in-banking-and-finance>

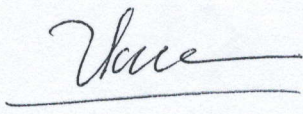
- Chương trình đào tạo của Asia Pacific University of Technology & Innovation;

<http://www.apu.edu.my/our-courses/undergraduate-studies/school-accounting-finance-quantitative-studies/bachelor-banking>

- Chương trình đào tạo của Trường ĐH Toulon, ĐH Rouen (đang liên kết với DHTM) 

  
HIỆU TRƯỞNG  
  
GS, TS. Đinh Văn Sơn

TRƯỞNG KHOA  
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

  
PGS, TS. Lê Thị Kim Nhung



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 190/QĐ-ĐHTM ngày 12 tháng 7 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

Tên chương trình đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng thương mại**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Hình thức đào tạo: **Chính quy – Chương trình chất lượng cao**

Ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**

Mã số: **7340201**

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng thương mại; có khả năng tác nghiệp, quản trị, tư vấn về các vấn đề tài chính - ngân hàng đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế; có năng lực nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn tại các cơ sở đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng ở các cấp độ khác nhau: từ tác nghiệp đến hoạch định chính sách, quản trị, tư vấn các hoạt động của ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính nói chung.

- Cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có tư duy phải biện khoa học, khả năng phân tích, đánh giá, có thể trở thành nhà quản trị, tư vấn về các các vấn đề tài chính - ngân hàng,... đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

- Sinh viên tốt nghiệp có tính độc lập, tự chủ, kỹ năng làm việc theo nhóm, có phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, kỹ năng giao tiếp tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp; đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Thương mại.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số 790/QĐ-DHTM ngày 12 tháng 7 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

Tên chương trình đào tạo: **Tài chính - Ngân hàng thương mại**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Hình thức đào tạo: **Chính quy – Chương trình chất lượng cao**

Ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**

Mã số: **7340201**

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức chuyên sâu về tài chính, ngân hàng thương mại; có khả năng tác nghiệp, quản trị, tư vấn về các vấn đề tài chính - ngân hàng đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế; có năng lực nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn tại các cơ sở đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng chuyên nghiệp về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng ở các cấp độ khác nhau: từ tác nghiệp đến hoạch định chính sách, quản trị, tư vấn các hoạt động của ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính nói chung.

- Cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng thương mại có tư duy phân tích khoa học, khả năng phân tích, đánh giá, có thể trở thành nhà quản trị, tư vấn về các vấn đề tài chính - ngân hàng,... đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

- Sinh viên tốt nghiệp có tính độc lập, tự chủ, kỹ năng làm việc theo nhóm, có phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, kỹ năng giao tiếp tốt, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp; đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Thương mại.



## **2. Chuẩn đầu ra**

### **2.1, Về kiến thức**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại đạt chuẩn kiến thức trình độ đại học bao gồm:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm các kiến thức về chính trị xã hội, kiến thức cơ bản về pháp luật,...

- Kiến thức cơ sở ngành gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế học, tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, nguyên lý kế toán, kinh tế lượng, toán tài chính, ...

- Kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành gồm các kiến thức về tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính, tài chính quốc tế, quản trị ngân hàng thương mại, quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng, thị trường chứng khoán, kinh doanh chứng khoán, định giá tài sản, quản trị rủi ro, marketing ngân hàng, quản trị tài chính công ty đa quốc gia, thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu, sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm,...

### **2.2, Về kỹ năng**

- *Kỹ năng nghề nghiệp*: Sinh viên tốt nghiệp chương trình chất lượng cao chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng thương mại đạt chuẩn kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng ở các cấp độ khác nhau: từ tác nghiệp đến hoạch định chính sách, quản trị, tư vấn các hoạt động tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính nói chung. Cụ thể:

- (i) Tham gia và/hoặc độc lập chủ trì việc hoạch định chính sách tài chính doanh nghiệp; lập và tổ chức thực hiện các kế hoạch tài chính doanh nghiệp, thực hiện các dự án R&D giải quyết các vấn đề tài chính và quản trị tài chính trong các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia.

- (ii) Tham gia và/hoặc độc lập chủ trì việc hoạch định chính sách huy động vốn, chính sách tín dụng, chính sách phát triển sản phẩm của các Ngân hàng thương mại; triển khai các nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ kế toán và giao dịch ngân hàng, nghiệp vụ thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại hối,... của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác; lập và triển khai các chương trình marketing dịch vụ ngân hàng và phát triển khách hàng của ngân hàng thương mại.

- (iii) Tham gia và/hoặc độc lập chủ trì việc hoạch định chính sách tài chính của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng; triển khai các nghiệp vụ kinh doanh của các tổ chức tài chính phi ngân hàng như: nghiệp vụ môi giới đầu tư chứng khoán, tự doanh, bảo lãnh



phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, nghiệp vụ bảo hiểm,...

(iv) Triển khai các hoạt động đầu tư cá nhân, khởi nghiệp.

- *Kỹ năng tư duy, nghiên cứu:*

(i) Có khả năng tư duy độc lập trong việc ra quyết định; biết sử dụng các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu kinh tế - tài chính - ngân hàng;

(ii) Có tư duy logic, sáng tạo; biết xây dựng kế hoạch và sử dụng các nguồn lực để thực hiện kế hoạch; biết lựa chọn những công việc cần ưu tiên;

(iii) Có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm, khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của thực tế; có khả năng chủ động cập nhật và vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng để giải quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật.

- *Kỹ năng về ngoại ngữ và tin học:*

(i) Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn, đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

(ii) Có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học như: các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint,...), các phần mềm xử lý dữ liệu (Eview, SPSS,...) và các phần mềm nghiệp vụ tài chính, ngân hàng. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2017/TT-BGDĐT-BTT&TT.

- *Kỹ năng giao tiếp:* Sử dụng thành thạo các kỹ năng trong giao tiếp bao gồm: sử dụng các công cụ trong giao tiếp (ngôn ngữ, cử chỉ); xác định vị trí trong tình huống giao tiếp; điều khiển quá trình giao tiếp (lắng nghe, kiểm soát cảm xúc, đàm phán, thảo luận, thuyết phục, xử lý linh hoạt các tình huống trong giao tiếp).

### **2.3, Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn; đề xuất những sáng kiến có giá trị trong quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có năng lực sáng tạo, ứng dụng và phát triển nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và luôn biến động.

- Có khả năng làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm, khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm, khả năng thích ứng với những thay đổi của thực tế; có khả năng chủ động cập nhật và vận dụng các quy định luật pháp trong lĩnh vực tài chính -



ngân hàng để giải quyết công việc được giao đảm bảo đúng pháp luật.

### **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ, trong đó:

Kiến thức giáo dục đại cương: 44 tín chỉ

Kiến thức giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất: 11 tín chỉ

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 74 tín chỉ, trong đó có 35 tín chỉ các học phần cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành học bằng tiếng Anh; bao gồm:

- Cơ sở ngành: 17 tín chỉ

- Ngành và chuyên ngành: 47 tín chỉ

Thực tập và làm tốt nghiệp: 10 tín chỉ (luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương, có đủ sức khoẻ để học tập và hoàn thành khóa học

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

#### **5.1, Quy trình đào tạo**

- Chương trình đào tạo theo tiến độ chuẩn được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 học kỳ thực tập tốt nghiệp. Cuối khóa, sinh viên thực tập và viết luận văn tốt nghiệp.

- Sinh viên đào tạo theo loại hình đại học chính quy, tuân thủ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định cụ thể của trường Đại học Thương mại. Sinh viên có thể học theo tiến độ chuẩn (4 năm), hoặc theo tiến độ nhanh, hoặc theo tiến độ chậm theo quy định của trường tùy thuộc vào hoàn cảnh và điều kiện học tập, khả năng học tập của người học.

#### **5.2, Điều kiện tốt nghiệp**

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng khi hội đủ các tiêu chuẩn theo qui định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy định cụ thể của Trường ĐHTM. Tích lũy đủ 120 tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo, hoàn thành chương trình giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, đạt chuẩn tiếng Anh bậc 4/6 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT.

### **6. Cách thức đánh giá**

Thang điểm 10, thang điểm 4 kết hợp với thang điểm chữ.

### **7. Nội dung chương trình đào tạo**



### 7.1, Khung chương trình đào tạo

|              | Khối kiến thức và các học phần                                                    | Số tín chỉ |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>1</b>     | <b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>                                               | <b>57</b>  |
| <b>1.1</b>   | <b>Các học phần bắt buộc</b>                                                      | <b>44</b>  |
| 1            | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 1                                 | 2          |
| 2            | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2                                 | 3          |
| 3            | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                              | 2          |
| 4            | Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam                                              | 3          |
| 5            | Pháp luật đại cương                                                               | 2          |
| 6            | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                                   | 2          |
| 7            | Basic IELTS 1                                                                     | 5          |
| 8            | Basic IELTS 2                                                                     | 5          |
| 9            | Expanding IELTS 1                                                                 | 5          |
| 10           | Expanding IELTS 2                                                                 | 5          |
| 11           | Developing IELTS 1                                                                | 5          |
| 12           | Developing IELTS 2                                                                | 5          |
| <b>1.2</b>   | <b>Các học phần tự chọn (chọn 2 TC trong các HP sau)</b>                          | <b>2</b>   |
| 1            | Lịch sử các học thuyết kinh tế                                                    | 2          |
| 2            | Xã hội học đại cương                                                              | 2          |
| <b>1.3</b>   | <b>Giáo dục thể chất và quốc phòng</b>                                            | <b>11</b>  |
| 1            | Giáo dục thể chất                                                                 | 3          |
| 2            | Giáo dục quốc phòng                                                               | 8          |
| <b>2</b>     | <b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>                                           | <b>74</b>  |
| <b>2.1</b>   | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                                                      | <b>17</b>  |
| <b>2.1.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                                                      | <b>9</b>   |
| 1            | Kinh tế học                                                                       | 3          |
| 2            | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (Money, Banking and Financial Markets) | 3          |
| 3            | Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)                                      | 3          |
| <b>2.1.2</b> | <b>Các học phần tự chọn (chọn 8 TC trong các HP sau)</b>                          | <b>8</b>   |
| 1            | Kinh tế lượng                                                                     | 3          |
| 2            | Luật kinh tế                                                                      | 3          |
| 3            | Marketing căn bản                                                                 | 3          |
| 4            | Nguyên lý thống kê                                                                | 3          |
| 5            | Toán tài chính (Financial Mathematics)                                            | 2          |
| 6            | Kinh tế phát triển                                                                | 2          |
| 7            | Kinh tế môi trường                                                                | 2          |
| <b>2.2</b>   | <b>Kiến thức ngành, chuyên ngành</b>                                              | <b>47</b>  |
| <b>2.2.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                                                      | <b>29</b>  |
| 1            | Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)                                        | 3          |
| 2            | Quản trị tài chính (Financial Management)                                         | 3          |
| 3            | Tài chính quốc tế                                                                 | 3          |
| 4            | Thị trường chứng khoán                                                            | 3          |
| 5            | Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)                        | 3          |
| 6            | Quản trị các tổ chức tài chính phi ngân hàng                                      | 3          |



|       |                                                                                                   |            |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 7     | Định giá tài sản                                                                                  | 3          |
| 8     | Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management)                       | 3          |
| 9     | Kinh doanh chứng khoán                                                                            | 3          |
| 10    | Thực tập nghề nghiệp (Internship)                                                                 | 2          |
| 2.2.2 | <i>Các học phần tự chọn (chọn 19 TC trong các HP sau)</i>                                         | <b>18</b>  |
| 1     | Ngh nghiệp vụ ngân hàng và đàm phán (Banking and Negotiation)                                     | 3          |
| 2     | Marketing ngân hàng (Bank Marketing)                                                              | 2          |
| 3     | Quản trị rủi ro trong ngân hàng (Bank Risk Management)                                            | 2          |
| 4     | Quản trị liên cá nhân – Quản lý xung đột (Interpersonal Relationship – Conflit Management)        | 2          |
| 5     | Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu (International Payments and Export-Import Financing) | 3          |
| 6     | Sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm (Insurance Products and Services)                                    | 3          |
| 7     | Kế toán ngân hàng                                                                                 | 3          |
| 8     | Tài chính công                                                                                    | 3          |
| 9     | Thuế                                                                                              | 3          |
| 10    | Tài chính vi mô                                                                                   | 3          |
| 2.3   | <i>Thực tập và làm tốt nghiệp</i>                                                                 | <b>10</b>  |
|       | <b>Tổng</b>                                                                                       | <b>131</b> |

## 7.2, Mô tả các học phần

(Xem phụ lục đề cương các học phần kèm theo)

## 8. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

|            | Khối kiến thức và các học phần                           | Số TC     | Ngôn ngữ giảng dạy | GV   | Năm |
|------------|----------------------------------------------------------|-----------|--------------------|------|-----|
| <b>1</b>   | <b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>                      | <b>57</b> |                    |      |     |
| <b>1.1</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                             | <b>44</b> |                    |      |     |
| 1          | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 1        | 2         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 2          | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lê Nin 2        | 3         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 3          | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                     | 2         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 4          | Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam                     | 3         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 5          | Pháp luật đại cương                                      | 2         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 6          | Phương pháp nghiên cứu khoa học                          | 2         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 7          | Basic IELTS 1&2                                          | 10        | Tiếng Anh          | ĐHTM | 1   |
| 8          | Expanding IELTS 1&2                                      | 10        | Tiếng Anh          | ĐHTM | 1   |
| 9          | Developing IELTS 1 &2                                    | 10        | Tiếng Anh          | ĐHTM | 2   |
| <b>1.2</b> | <b>Các học phần tự chọn (chọn 2 TC trong các HP sau)</b> | <b>2</b>  |                    |      |     |
| 1          | Lịch sử các học thuyết kinh tế                           | 2         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| 2          | Xã hội học đại cương                                     | 2         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 2   |
| <b>1.3</b> | <b>Giáo dục thể chất và quốc phòng</b>                   | <b>11</b> | Tiếng Việt         | ĐHTM | 1   |
| 1          | Giáo dục thể chất                                        | 3         | Tiếng Việt         | ĐHTM | 1   |



|            |                                                                                                |           |            |               |   |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|---------------|---|
| 2          | Giáo dục quốc phòng                                                                            | 8         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 1 |
| <b>2</b>   | <b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>                                                        | <b>74</b> |            |               |   |
| <b>2.1</b> | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                                                                   | <b>17</b> |            |               |   |
| 2.1.1      | Các học phần bắt buộc                                                                          | 9         |            |               |   |
| 1          | Kinh tế học                                                                                    | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 2 |
| 2          | Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính<br>(Money, Banking and Financial Markets)           | 3         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |
| 3          | Nguyên lý kế toán<br>(Principles of Accounting)                                                | 3         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |
| 2.1.2      | Các học phần tự chọn (chọn 8 TC trong các HP sau)                                              | 8         |            |               |   |
| 1          | Kinh tế lượng *                                                                                | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 2 |
| 2          | Luật kinh tế 1                                                                                 | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| 3          | Marketing căn bản *                                                                            | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 2 |
| 4          | Nguyên lý thống kê                                                                             | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| 5          | Toán tài chính (Financial Mathematics) *                                                       | 2         | Tiếng Anh  | GV nước ngoài | 3 |
| 6          | Kinh tế phát triển                                                                             | 2         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| 7          | Kinh tế môi trường                                                                             | 2         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| <b>2.2</b> | <b>Kiến thức ngành, chuyên ngành</b>                                                           | <b>47</b> |            |               |   |
| 2.2.1      | Các học phần bắt buộc                                                                          | 29        |            |               |   |
| 1          | Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)                                                     | 3         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |
| 2          | Quản trị tài chính (Financial Management)                                                      | 3         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |
| 3          | Tài chính quốc tế                                                                              | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| 4          | Thị trường chứng khoán                                                                         | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| 5          | Quản trị ngân hàng thương mại<br>(Commercial Bank Management)                                  | 3         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 4 |
| 6          | Quản trị các tổ chức tài chính phi NH                                                          | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 4 |
| 7          | Định giá tài sản                                                                               | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 4 |
| 8          | Quản trị tài chính công ty đa quốc gia<br>(Multinational Financial Management)                 | 3         | Tiếng Anh  | GV nước ngoài | 3 |
| 9          | Kinh doanh chứng khoán                                                                         | 3         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 4 |
| 10         | Thực tập nghề nghiệp (Internship)                                                              | 2         | Tiếng Việt | ĐHTM          | 3 |
| 2.2.2      | Các học phần tự chọn (chọn 19 TC trong các HP sau)                                             | 18        |            |               |   |
| 1          | Nghiệp vụ ngân hàng và đàm phán<br>(Banking and Negotiation) *                                 | 3         | Tiếng Anh  | GV nước ngoài | 3 |
| 2          | Marketing ngân hàng<br>(Bank Marketing)*                                                       | 2         | Tiếng Anh  | GV nước ngoài | 3 |
| 3          | Quản trị rủi ro trong ngân hàng (Bank Risk Management)*                                        | 2         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |
| 4          | Quản trị liên cá nhân – Quản lý xung đột<br>(Interpersonal Relationship – Conflict Management) | 2         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |
| 5          | Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập                                                        | 3         | Tiếng Anh  | ĐHTM          | 3 |



|     |                                                                  |            |            |      |   |
|-----|------------------------------------------------------------------|------------|------------|------|---|
|     | khẩu (International Payments and Export-Import Financing) *      |            |            |      |   |
| 6   | Sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm (Insurance Products and Services) * | 3          | Tiếng Anh  | ĐHTM | 4 |
| 7   | Kế toán ngân hàng *                                              | 3          | Tiếng Việt | ĐHTM | 4 |
| 8   | Tài chính công                                                   | 3          | Tiếng Việt | ĐHTM | 4 |
| 9   | Thuế                                                             | 3          | Tiếng Việt | ĐHTM | 4 |
| 10  | Tài chính vi mô                                                  | 3          | Tiếng Việt | ĐHTM | 4 |
| 2.3 | <i>Thực tập và làm tốt nghiệp</i>                                | <i>10</i>  |            |      | 4 |
|     | <b>Tổng</b>                                                      | <b>131</b> |            |      |   |



GS, TS. Đinh Văn Sơn

TRƯỞNG KHOA  
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

PGS, TS Lê Thị Kim Nhung